

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030 (ĐỢT 1) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035,

GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ MĂNG ĐEN

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương

(Kèm theo Nghị quyết số 34 /NQ-HĐND ngày 24 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Măng Đen)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô	Thời gian thực hiện	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 -2030 (đợt 01)			Ghi chú
						Tổng mức vốn đầu tư (dự kiến)		Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương bố trí giai đoạn 2026-2030	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	UBND XÃ MĂNG ĐEN					42.000	32.323	32.323	
I	HỢP PHẦN THỨ NHẤT: CÁC NỘI DUNG CHUNG THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN					42.000	32.323	32.323	
1	Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu					42.000	32.323	32.323	
1.1	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông (bao gồm cả cầu dân sinh, công trình giao thông) phục vụ dân sinh, sản xuất và kinh doanh trên địa bàn xã, thôn; hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với đặc thù vùng, miền và bảo đảm kết nối hiệu quả. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo					29.677	23.061	23.061	
1	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Kon Tu Răng	Ban QLDA và DVCI xã	Thôn Kon Tu Răng	Đường GTNT loại A và B; Chiều dài khoảng: 3.500m; Kết cấu mặt đường BTXM.	2026-2030	4.977	3.754	3.754	
2	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Kon Brayh (nhóm 1)	Ban QLDA và DVCI xã	Thôn Kon Brayh	Đường GTNT loại A và B; Chiều dài khoảng: 1.500m; Kết cấu mặt đường BTXM.	2026-2030	2.900	2.450	2.450	
3	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Kon Brayh (nhóm 2)	Ban QLDA và DVCI xã	Thôn Kon Brayh	Đường GTNT loại A và B; Chiều dài khoảng: 1.000m; Kết cấu mặt đường BTXM.	2026-2030	1.900	1.509	1.509	
4	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Đăk Tây Niang (nhóm 1)	Ban QLDA và DVCI xã	Thôn Đăk Tây Niang	Đường GTNT loại A và B; Chiều dài khoảng: 1.800m; Kết cấu mặt đường BTXM.	2026-2030	3.400	2.715	2.715	
5	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Đăk Tây Niang (nhóm 2)	Ban QLDA và DVCI xã	Thôn Đăk Tây Niang	Đường GTNT loại A và B; Chiều dài khoảng: 1.400m; Kết cấu mặt đường BTXM.	2026-2030	2.700	2.112	2.112	
6	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Đăk Tây Niang (nhóm 3)	Ban QLDA và DVCI xã	Thôn Đăk Tây Niang	Đường GTNT loại A và B; Chiều dài khoảng: 1.600m; Kết cấu mặt đường BTXM.	2026-2030	3.100	2.413	2.413	
7	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Kon Chênh (nhóm Kon Năng)	Ban QLDA và DVCI xã	Thôn Kon Chênh	Đường GTNT loại A và B; Chiều dài khoảng: 1.500m; Kết cấu mặt đường BTXM.	2026-2030	3.700	2.829	2.829	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô	Thời gian thực hiện	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 -2030 (đợt 01)			Ghi chú
						Tổng mức vốn đầu tư (dự kiến)		Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương bố trí giai đoạn 2026-2030	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
8	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Măng Cành (nhóm 1)	Ban QLDA và DVCI xã	Thôn Măng Cành	Đường GTNT loại A và B; Chiều dài khoảng: 1.100m; Kết cấu mặt đường BTXM.	2026-2030	2.200	1.659	1.659	
9	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Măng Cành (nhóm 2)	Ban QLDA và DVCI xã	Thôn Măng Cành	Đường GTNT loại A và B; Chiều dài khoảng: 1.200m; Kết cấu mặt đường BTXM.	2026-2030	2.400	1.810	1.810	
10	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường thôn Đăk Tăng	Ban QLDA và DVCI xã	Thôn Đăk Tăng	Đường GTNT loại A và B; Chiều dài khoảng: 1.200m; Kết cấu mặt đường BTXM.	2026-2030	2.400	1.810	1.810	
1.2	Nội dung 02: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiện đại, khép kín, linh hoạt, phù hợp với đặc thù từng vùng, miền, thích ứng với biến đổi kh hậu; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Trong đó, tập trung, ưu tiên đầu tư công trình thủy lợi cho các xã , thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, ATK, biên giới và hải đảo, vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu;					3.950	2.977	2.977	
1	Nâng cấp, kênh cổ hoá kênh mương các công trình thủy lợi (khu vực Đăk Tăng)	Ban QLDA và DVCI xã	Xã Măng Đen	Sửa chữa đập đầu mối - tuyến kênh, kiên cố hoá kênh và công trình trên kênh	2026-2030	1.500	1.131	1.131	
2	Nâng cấp, kênh cổ hoá kênh mương các công trình thủy lợi (khu vực Măng Cành)	Ban QLDA và DVCI xã	Xã Măng Đen	Sửa chữa đập đầu mối - tuyến kênh, kiên cố hoá kênh và công trình trên kênh	2026-2030	1.500	1.131	1.131	
3	Nâng cấp, kênh cổ hoá kênh mương các công trình thủy lợi (khu vực Thị trấn cũ)	Ban QLDA và DVCI xã	Xã Măng Đen	Sửa chữa đập đầu mối - tuyến kênh, kiên cố hoá kênh và công trình trên kênh	2026-2030	950	715	715	
1.3	Nội dung 04: Đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn phục vụ dân sinh và sản xuất theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan. Trong đó, tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư, nâng cấp cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo. Khuyến khích phát triển nguồn năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió...) phù hợp điều kiện vùng, miền, hướng tới hạ tầng điện thông minh và phát triển bền vững.					5.500	4.149	4.149	
1	Hệ thống điện chiếu sáng các thôn khu vực thị trấn Măng Đen (cũ)	Ban QLDA và DVCI xã	Xã Măng Đen	Năng lượng mặt trời	2026-2030	500	377	377	
2	Hệ thống điện chiếu sáng các thôn khu vực Măng Cành (cũ)	Ban QLDA và DVCI xã	Xã Măng Đen	Năng lượng mặt trời	2026-2030	2.500	1.886	1.886	
3	Hệ thống điện chiếu sáng các thôn khu vực Đăk Tăng (cũ)	Ban QLDA và DVCI xã	Xã Măng Đen	Năng lượng mặt trời	2026-2030	2.500	1.886	1.886	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô	Thời gian thực hiện	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 -2030 (đợt 01)			Ghi chú
						Tổng mức vốn đầu tư (dự kiến)		Kế hoạch vốn ngân sách Trung ương bố trí giai đoạn 2026-2030	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.4	Nội dung 10: Phát triển công trình cấp nước sạch tập trung tại các xã hoặc liên xã phù hợp với đặc thù vùng, miền, bảo đảm hoạt động hiệu quả, bền vững, trong đó tập trung, ưu tiên đầu tư tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn; khu vực biên giới; vùng khan hiếm, khó khăn về nguồn nước; khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng của hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước; vùng đồng bào DTTS&MN; khu vực bãi ngang, ven biển và hải đảo và hỗ trợ cấp nước hộ gia đình đạt chuẩn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN, hộ trên địa bàn khó tiếp cận với nước sạch tập trung;					2.873	2.136	2.136	
1	Nâng cấp, sửa chữa Nước sinh hoạt các thôn khu vực thị trấn Măng Đen (cũ)	Ban QLDA và DVCI xã	Xã Măng Đen	Giếng khoan; Đầu mối, bể lọc, đường ống, bồn chứa và các hạng mục phụ trợ khác	2026-2030	873	628	628	
2	Nâng cấp, sửa chữa Nước sinh hoạt các thôn khu vực Măng Cảnh (cũ)	Ban QLDA và DVCI xã	Xã Măng Đen	Giếng khoan; Nạo vét đập đầu mối, bể lọc, nâng cấp đường ống, bể chứa nước và các hạng mục phụ trợ khác	2026-2030	1.000	754	754	
3	Nâng cấp, sửa chữa Nước sinh hoạt các thôn khu vực Đăk Tăng (cũ)	Ban QLDA và DVCI xã	Xã Măng Đen	Giếng khoan; Nạo vét đập đầu mối, bể lọc, nâng cấp đường ống, bể chứa nước và các hạng mục phụ trợ khác	2026-2030	1.000	754	754	

Ghi chú: Tên dự án, quy mô đầu tư và tổng mức đầu tư của các dự án trong Kế hoạch này được xác định trên cơ sở thông tin, số liệu và nhu cầu đầu tư tại thời điểm lập Kế hoạch, làm cơ sở để tổ chức triển khai các bước chuẩn bị đầu tư theo quy định. Trong quá trình khảo sát, lập, thẩm định và hoàn thiện thủ tục đầu tư có thể thay đổi để phù hợp với điều kiện thực tế vốn và khả năng cân đối nguồn vốn